SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN KẾ SÁCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 45a/KH-TTYT

Kế Sách, ngày 31 tháng 01 năm 2019

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TRUNG TÂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỔNG THỂ TRUNG TÂM GIAI ĐOẠN 5 NĂM (2019 – 2024)

PHẦN THỨ NHẤT
THỰC TRẠNG TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KẾ SÁCH

I. Vị trí địa lý:

Kế Sách là huyện có kinh tế chủ yếu về nông nghiệp, diện tích đất tự nhiên 35.287 ha, dân số trung bình 159.500 người, nằm phía Bắc tỉnh Sóc Trăng; phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Trà Vinh (qua sông Hậu); phía Nam giáp huyện Mỹ Tú và huyện Long Phú; phía Tây và Tây Bắc giáp tỉnh Hậu Giang.

II. Tổ chức bộ máy:

Trung tâm Y tế huyện Kế Sách với nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn huyện Kế Sách, được sáp nhập từ Bệnh viện Đa khoa huyện Kế Sách và Trung tâm Y tế dự phòng huyện Kế Sách vào đầu năm 2018 theo Quyết định số 1709/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sóc Trăng, về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Kế Sách.

Quản lý dược theo Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế, về việc quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược Bệnh viện.

Về tài chính thực hiện theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP, ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư hướng dẫn số 71/2006/TT-BTC, ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc:

Gồm Giám đốc và 3 Phó Giám đốc giúp việc.

Các phòng chức năng: Gồm 03 phòng:

1. Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Quản lý chất lượng
2. Phòng Tổ chức - Hành chính – Tài chính – Kế toán
3. Phòng Điều dưỡng

Các khoa: Gồm 10 khoa:

1. Khoa Khám bệnh
2. Khoa Hồi sức Cấp cứu
3. Khoa Nội tổng hợp
4. Khoa Nhi
5. Khoa Ngoại - Sản – Chăm sóc sức khỏe sinh sản
6. Khoa Y học cổ truyền & Phục hồi chức năng.
7. Khoa Dược - Cận lâm sàng – Trang thiết bị - VTYT
8. Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
9. Khoa Kiểm soát bệnh tật & HIV/AIDS
10. Khoa Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm.

Bảng 1.1. Phân bố cán bộ viên chức theo bộ phận:

Số TT	Tên các đơn vị	Số cán bộ, nhân viên
1	Ban giám đốc	4
2	Phòng Tổ chức cán bộ	25
3	Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ - QLCL	7
4	Phòng Điều dưỡng	4
5	Khoa Khám bệnh	10
6	Khoa Hồi sức Cấp cứu	14
7	Khoa Nội tổng hợp	30
8	Khoa Nhi	21
9	Khoa Ngoại sản – CSSKSS	23
10	Khoa Dược CLS-TTB-VTYT	30
11	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	11
12	Khoa YHCT & PHCN	11
13	Khoa Kiểm soát Bệnh tật & HIV/AIDS	18
14	Khoa Y tế công cộng, Dinh dưỡng & An toàn thực phẩm	8
Cộng		**216**

1.3. Nhân lực:

Nhân lực Trung tâm Y tế huyện Kế Sách tính đến ngày 31/1/2019:

Tổng số cán bộ viên chức là 216, trong đó: 156 biên chế và 60 hợp đồng.

Bảng 1.2. Phân bố chất lượng nhân lực:

Chức danh của CBVC	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng
a) Tổng số Bác sĩ:.....	**39**	**37**	**2**
- Chuyên khoa II:.....	3	3	
- Chuyên khoa I:.....	16	16	
- Bác sĩ:.....	20	18	**2**

Chức danh của CBVC	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng
b) - Tổng số Y sĩ :.....	26	18	**8**
c) Tổng số Dược:.....	**20**	**11**	**9**
- Dược sĩ đại học:.....	5	3	**2**
- Dược sĩ cao đẳng:.....	2	1	**1**
- Dược sĩ trung học:.....	13	7	**6**
d) Tổng số Điều dưỡng:.....	**77**	**55**	**22**
- Cử nhân đại học:.....	13	13	
- Cao đẳng:.....	15	4	**11**
- Trung học:.....	46	35	**11**
- Sơ học:.....	3	3	
e) Tổng số Nữ hộ sinh:.....	**11**	**11**	
- Cử nhân đại học:.....	3	3	
- Cao đẳng:.....			
- Trung học.....	8	8	
- Sơ học.....			
f) Tổng số Y tế công cộng:.....	**1**	**1**	
- Cử nhân đại học:.....	1	1	
g) Tổng số Kỹ thuật viên:.....	**9**	**6**	**3**
- Cử nhân đại học:.....			
- Cao đẳng:.....	1		**1**
- Trung học:.....	8	6	**2**
h) Tổng số Hộ lý/ Y công	**9**		**9**
- Y công	2		**2**
- Hộ lý	7		**7**
i) Tổng số các cán bộ Khác	**24**	**17**	**7**
- Cử nhân kinh tế.....	1	1	
- Cử nhân kế toán:.....	10	10	
- Kế toán trung cấp:.....			
- KS CNTT:.....	2	2	
- KS CNTP	2	2	
- CĐ TTBYT.....	1	1	
- KTV Tin học.....	1	1	
- Bảo vệ.....	3		**3**
- Lái xe.....	2		**2**
- Điện nước.....	2		**2**
Cộng:	**216**	**156**	**60**

1.4. Cơ sở vật chất:

- Diện tích mặt bằng: 32.299 m^2. Diện tích xây dựng: 6.521 m^2

- Kết cấu xây dựng: gồm 02 phần:

+ Khối dự phòng gồm: Nhà cấp 2; Diện tích: 1.900 m^2.

+ Khối điều trị gồm: 04 dãy nhà 01 tầng và 02 dãy nhà trệt (tầng trệt: 3.093,61 m^2, tầng lầu: 2.394,29 m^2).

- Khu phụ trợ:

+ Khu Căn - tin, Bếp ăn từ thiện: 180 m^2

+ Nhà bảo vệ: 06 m^2

+ Nhà xe: 245 m^2

+ Nhà xe nhân viên: 360 m^2.

+ Nhà đại thể: 60 m^2

+ Nhà thu gom rác: 6.25 m^2

+ Lò đốt rác: 40 m^2

- Hệ thống điện, nước, lò đốt rác:

+ Hệ thống điện.

Lưới điện 03 pha: Điện quốc gia

Máy phát điện: 01 cái

- Hệ thống nước thải lỏng: Đã xây dựng hoàn thiện, hiện đang được nghiệm thu đưa vài sử dụng.

- Hệ thống lò đốt: Đang hoạt động bảo đảm các điều kiện về xử lý rác thải y tế theo quy định của pháp luật.

1.5. Hoạt động khám chữa bệnh:

1.5.1. 10 bệnh cao nhất năm 2018 tại Trung tâm:

Mô hình 10 bệnh cao nhất ngoại trú điều trị tại Trung tâm 2018:

STT	Bệnh chính	Tổng số
1	Tăng huyết áp vô căn nguyên phát	12.212
2	Bệnh đái tháo đường không phụ thuộc insuline	8.332
3	Nhiễm trùng đường hô hấp trên không xác định	6.583
4	Viêm phế quản cấp	4.802
5	Các viêm khớp khác	4.182
6	Viêm họng cấp	3.741
7	Đau lưng	3.537
8	Thoái hóa cột sống	3.420
9	Tổn thương nông tác động nhiều vùng cơ thể	2.408

STT	Bệnh chính	Tổng số
10	Hủy răng	2.022

Mô hình 10 bệnh cao nhất ngoại trú điều trị tại Trung tâm 2018:

STT	Bệnh chính	Tổng số
1	Nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn, không xác định	1.541
2	Viêm phổi không phân loại	1.112
3	Tăng huyết áp vô căn nguyên phát	1.085
4	Nhiễm trùng đường hô hấp trên không xác định	757
5	Rối loạn hệ tuần hoàn xác định khác trong bệnh phân loại nơi khác	657
6	Viêm dạ dày không đặc hiệu	428
7	Khó tiêu chức năng	402
8	Viêm phê quản cấp	320
9	Viêm họng có phỏng nước do virus đường ruột với phát ban	316
10	Đẻ thương ngôi đầu	270

1.5.3. Một số chỉ tiêu hoạt động chuyên môn:

Bảng 1.5. Một số chỉ tiêu cơ bản thực hiện qua các năm:

TT	Nội dung	2016	2017	2018
1	Khám ngoại trú	99.402	98.883	95.548
2	Giường bệnh	235	221	199
3	Số bệnh nhân điều trị nội trú	14.891	14.640	12.754
4	Số ngày điều trị nội trú	85.716	80.608	72.712
5	Ngày điều trị bình quân	5.7	5.5	5.7
6	Số tử vong và nặng xin về	2	3	4
7	Số cas chuyển viện	4.772	5.398	5.904

PHẦN THỨ HAI
QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KẾ SÁCH ĐẾN NĂM 2024

2. MỤC TIÊU:

2.1. Mục tiêu chung:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các chuyên khoa. Phát triển y tế phổ cập, bác sỹ gia đình, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe ban đầu, bao phủ mô hình bệnh tật kết hợp với phát triển các chuyên khoa chuyên sâu. Tăng cường chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

- Tăng cường phối hợp, hiện đại hóa và phát triển y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại.

- Đẩy mạnh phát triển y tế dự phòng cấp 1, dự phòng cấp 2 trong Trung tâm.

- Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, tiến đến việc tự chủ tài chính hoàn toàn, đảm bảo được chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển; sử dụng nguồn tài chính y tế hiệu quả.

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế có chất lượng với giá cả hợp lý đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh; quản lý, sử dụng thuốc và trang thiết bị hợp lý, an toàn và hiệu quả.

- Đổi mới, nâng cao năng lực quản lý và năng lực thực hiện chính sách y tế, đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển hệ thống thông tin y tế đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển của Trung tâm Y tế huyện Kế Sách.

- Đến năm 2024, Trung tâm Y tế huyện Kế Sách mở rộng thêm một số khoa phòng phù hợp theo tiêu chuẩn bệnh viện hạng III, số lượng cán bộ viên chức đáp ứng tỷ lệ và cơ cấu cán bộ theo thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của Thông tư liên tịch Bộ Y tế - Bộ Nội vụ, có trên 70% bác sỹ có trình độ sau đại học, trên 100% điều dưỡng đạt trình độ từ cao đẳng trở lên;

- Nâng cao chất lượng chuyên môn, chất lượng chăm sóc toàn diện, phát triển được nhiều kỹ thuật mới và kỹ thuật vượt tuyến. Đến năm 2020 thực hiện được trên 60% kỹ thuật phân tuyến của Bệnh viện hạng III và đến năm 2024 đạt trên 70 % kỹ thuật phân tuyến.

- Hạn chế tối đa tỷ lệ chuyển viện không hợp lý;

- Đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, chuyên sâu trong từng lĩnh vực;

- Có cở sở hạ tầng khang trang, trang thiết bị y tế hiện đại phục vụ cho công tác chẩn đoán điều trị và tiên lượng bệnh, cho công tác kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện;

- Quản lý Trung tâm Y tế toàn diện bằng phần mềm công nghệ thông tin;

- Công tác xử lý rác thải y tế đúng quy định;

- Quản lý tốt về vệ sinh môi trường trong Trung tâm Y tế;

- Nâng cao tinh thần thái độ phục vụ nhân dân, cải thiện đời sống của cán bộ viên chức.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

a. Về phát triển nguồn nhân lực:

- 100% Điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng và kỹ thuật viên trưởng khoa có trình độ đại học (Tử số: tổng số ĐDTr, HSTr, KTV Trưởng khoa có trình độ đại học; Mẫu số: tổng số ĐDTr, HSTr, KTV Trưởng khoa của Trung tâm).

- 100% Điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng và kỹ thuật viên trưởng có chứng chỉ quản lý điều dưỡng.

- 100% Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên khối lâm sàng được tập huấn và thực hiện tốt kỹ năng truyền thông, giáo dục sức khỏe, ứng xử, giao tiếp, y đức.

- 100% Trưởng, phó khoa, phòng có chứng chỉ quản lý bệnh viện.

- 100% điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên tham gia đào tạo liên tục đủ 12 giờ/ năm.

- 100% Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên đạt trình độ cao đẳng trở lên.

- 100% bác sĩ có trình độ sau đại học trên tổng số bác sĩ của Trung tâm.

TT	Chỉ tiêu	Lộ trình thực hiện					
		2019	2020	2021	2022	2023	2024
1	Điều dưỡng, hộ sinh, KTV trưởng có trình độ đại học	>88%	90%	95%	100%	100%	100%
2	Điều dưỡng, hộ sinh, KTV trưởng có chứng chỉ QLĐD	>40%	>50%	>75%	>90%	95%	100%
3	Trưởng, phó khoa, phòng có chứng chỉ quản lý bệnh viện	>70%	>80%	>90%	100%	100%	100%
4	Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên khối lâm sàng được tập huấn và thực hiện tốt kỹ năng truyền thông, giáo dục sức khỏe, ứng xử, giao tiếp, y đức.	>60%	>70%	>80%	>90%	95%	100%
5	Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên tham gia đào tạo liên tục đủ 12 giờ/ năm.	>50%	>60%	>70%	>80%	>90%	100%
6	Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên đạt trình độ cao đẳng trở lên	>20%	>40%	>50%	>75%	90%	100%
7	Bác sĩ có trình độ sau đại học trên tổng số bác sĩ của Trung tâm	>60%	>70%	>80%	>90%	95%	100%

b. Các chỉ tiêu khám chữa bệnh:

TT	Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2024
1	Giường bệnh	200	200	200	200	200	200
2	Số lần khám bệnh ngoại trú	98.000	100.000	105.000	110.000	115.000	120.000
3	Số BN điều trị nội trú	12.600	13.200	13.800	14.200	15.000	15.500
4	Số ngày điều trị nội trú	64.240	67.320	70.380	72.420	76.500	77.000
5	Ngày điều trị bình quân	5.1±0.5	5.1±0.5	5.1±0.5	5.1±0.5	5.1±0.5	5.1±0.5

3. NỘI DUNG QUY HOẠCH

3.1. Mô hình tổ chức và nhân lực y tế

- Kiện toàn tổ chức từ lãnh đạo Trung tâm đến các Khoa, Phòng, Trạm y tế. Mở rộng các khoa, phòng, phát triển khám điều trị theo yêu cầu. Nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước thông qua đổi mới cơ chế quản lý, quản lý theo hệ thống, phát huy tính năng động, sáng tạo của toàn thể nhân viên y tế trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực.

- Phát triển công nghệ thông tin góp phần nâng cao chất lượng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân;

- Mở rộng, tăng giường cho các khoa lâm sàng.

- Bổ sung nhân lực đảm bảo đủ nhân lực cả về số lượng và trình độ chuyên môn cho các khoa phòng.

- Dự báo nhu cầu nhân lực cần bổ sung, thay thế giai đoạn 2019 – 2024:

✦ Ban giám đốc và các phòng chức năng:

STT	Chức danh	Dự kiến nghỉ hưu						Số cần bổ sung, thay thế
		2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Bác sĩ		1	1				2
2	Điều dưỡng						1	1

✦ Khoa Khám bệnh:

STT	Chức danh	Dự kiến nghỉ hưu						Số cần bổ sung, thay thế
		2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Bác sĩ		1					1
2	Điều dưỡng	1						1

✦ Khoa Cấp cứu:

STT	Chức danh	Dự kiến nghỉ hưu						Số cần bổ sung, thay thế
		2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Bác sĩ							
2	Điều dưỡng				1			1

✦ Khoa Nội tổng hợp:

STT	Chức danh	Dự kiến nghỉ hưu						Số cần bổ sung, thay thế
		2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Bác sĩ		1				1	2
2	Điều dưỡng				1			1

✦ Khoa Ngoại sản – Chăm sóc sức khỏe sinh sản:

STT	Chức danh	Dự kiến nghỉ hưu						Số cần bổ sung, thay thế
		2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Bác sĩ						1	1
2	Điều dưỡng					1		1

✦ Khoa Nhi:

STT	Chức danh	Dự kiến nghỉ hưu						Số cần bổ sung, thay thế
		2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Bác sĩ							
2	Điều dưỡng					1		1

✦ Khoa Dược – CLS – TTB - VTYT:

STT	Chức danh	Dự kiến nghỉ hưu						Số cần bổ sung, thay thế
		2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Bác sĩ							

2	Điều dưỡng					1		1
3	Dược sĩ	1				1	1	3
4	KTV Y						1	1

✦ Khối dự phòng:

STT	Chức danh	Dự kiến nghỉ hưu						Số cần bổ sung, thay thế
		2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Bác sĩ							1
2	Điều dưỡng				2	1		3

3.2. Quy hoạch phát triển chuyên môn, khoa học kỹ thuật:

- Tiếp tục triển khai các kỹ thuật đã áp dụng, ngoài ra cần chú trọng các mũi nhọn. Phấn đấu triển khai từng giai đoạn đạt trên 70% kỹ thuật đăng ký.

- Thời gian hoàn thành: năm 2019 - 2024

- Lộ trình: Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ - Quản lý chất lượng phối hợp các khoa lâm sàng phân chia từng kỹ thuật theo từng thời gian hoàn thành cụ thể, chia theo các Hệ phụ sản, hệ Nhi, Ngoại, các chuyên khoa lẻ, Gây mê hồi sức… Ưu tiên các kỹ thuật thuộc hệ Nhi, Ngoại Sản, chuyên khoa lẻ thực hiện giai đoạn 2019-2020; các kỹ thuật cao như Nội soi, Gây mê Hồi sức của Ngoại triển khai trong giai đoạn 2020-2025.

- Giải pháp: Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ - Quản lý chất lượng xây dựng Bảng theo dõi tiến độ thực hiện, và các khoa phòng báo cáo kỹ thuật mới thực hiện hàng năm để phòng Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ - Quản lý chất lượng tổng kết các kỹ thuật thực hiện được hàng năm.

- Tổ chức thực hiện: Phòng Tổ chức – Hành chính – Tài chính – Kế toán tham mưu tổ chức đăng ký và cử cán bộ đi đào tạo thực hiện kỹ thuật mới cho từng giai đoạn nêu trên.

- Nguồn nhân lực: từ nguồn nhân lực tại chỗ và từ nguồn đạo tạo theo địa chỉ sử dụng của Sở Y tế cử về công tác.

- Kinh phí thực hiện: từ nguồn ngân sách nhà nước do Sở Y tế cấp và từ nguồn thu viện phí của Trung tâm.

3.2.1. Khoa Khám bệnh:

- Số Bác sĩ hiện có: 03 bác sĩ, trong đó:

+ BSCK1 RHM: 02

+ BSCK1 YHGĐ: 01

- Định hướng: Thành lập liên chuyên khoa Mắt – Tai Mũi Họng – Răng Hàm mặt – Da liễu tách từ khoa khám bệnh.

3.2.2. Khoa Hồi sức Cấp cứu:

- Số Bác sĩ hiện có: 06 bác sĩ, trong đó:

+ BSCK1 Nội: 02

+ BS đa khoa: 04

- Định hướng: đào tạo thêm 01 BSCK1 HSCC và bổ sung thêm 01 BSCK1 Nội nhằm triển khai các DVKT chuyên khoa HSCC và chuyên khoa Nội.

3.2.3. Khoa Y học cổ truyền & Phục hồi chức năng:

- Số Bác sĩ hiện có: 02 bác sĩ (BS Đông Y)

- Định hướng: tiếp tục đào tạo thêm 01 BS Đông Y nhằm phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh đông – tây y kết hợp. Đồng thời triển khai các DVKT chuyên khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng.

3.2.4. Khoa Ngoại - Sản – Chăm sóc sức khỏe sinh sản:

- Số Bác sĩ hiện có: 04 bác sĩ, trong đó:

+ BSCK1 Ngoại: 01

+ BSCK1 Sản phụ khoa: 01

+ BS đa khoa: 02

- Hiện tại đã xây dựng xong phòng mổ chuẩn bị đưa vào sử dụng. Do đó định hướng tiếp tục đào tạo thêm 01 BSCK1 Sản phụ khoa, 01 BSCK1 Ngoại khoa, 02 Điều dưỡng chuyên ngành sản khoa và 02 Điều dưỡng chuyên ngành ngoại khoa nhằm triển khai thực hiện các DVKT cao thuộc Ngoại khoa và Phụ sản.

3.2.5. Khoa Nhi:

- Số Bác sĩ hiện có: 05 bác sĩ, trong đó:

+ BSCK1 Nhi: 02

+ BS đa khoa: 03

- Định hướng: đào tạo thêm 01 BSCK1 chuyên ngành Nhi khoa.

3.2.6. Khoa Nội tổng hợp:

- Số Bác sĩ hiện có: 05 bác sĩ, trong đó:

+ BSCK1 YHGĐ: 02

+ BSCK1 Nội: 01

+ BS đa khoa: 02

- Định hướng: đào tạo thêm 01 BSCK1 Nội khoa và phát triển thêm một số kỹ thuật chuyên ngành Nội khoa.

3.3. Quy hoạch phát triển trang thiết bị:

- Từng bước hiện đại hoá TTBYT tại các khoa phòng đáp ứng triển khai các kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến của Bộ Y tế;

- Củng cố công tác mua sắm TTBYT, thiết lập quy trình chuẩn bao gồm từ việc cơ sở đề xuất nhu cầu về TTBYT. Thực hiện quy chế đấu thầu theo quy định. Thực hiện thường xuyên công tác bảo dưỡng, kiểm chuẩn TTBYT đã được đầu tư. Thực hiện đúng quy chế kiểm chuẩn định kỳ đối với một số thiết bị y tế, trang bị đồng bộ các thiết bị phục vụ.

3.4. Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng

Bảo đảm không gian Trung tâm Y tế huyện Kế Sách phù hợp với công năng sử dụng, đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III:

- Cải tạo nâng cấp mở rộng Khoa Khám bệnh, cải tạo một số khoa, phòng, Trạm Y tế đã xuống cấp.

- Xây dựng thêm hệ thống phòng hậu phẫu.

Phần thứ ba
CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

4. Giải pháp về tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực y tế

4.1. Giải pháp về tổ chức bộ máy

- Từng bước hoàn thiện về tổ chức bộ máy, biên chế của bệnh viện theo quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế.

- Mở rộng, thành lập các khoa phòng mới theo hướng chuyên khoa sâu. Thành lập liên chuyên khoa Mắt – Răng hàm mặt – Tai mũi họng, khoa Dinh dưỡng.

4.2. Phát triển nguồn nhân lực y tế

4.2.1. Giải pháp về đổi mới công tác tổ chức cán bộ

Tiêu chuẩn hoá và cân đối nhu cầu nhân lực y tế về số lượng, cơ cấu, chất lượng theo từng chuyên khoa và kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế, đội ngũ cán bộ quản lý, đảm bảo tiêu chuẩn hoá cán bộ trong từng lĩnh vực quản lý:

+ Rà soát nhân lực về số lượng, cơ cấu trình độ, những bất cập trong bố trí, sử dụng nhân lực của các khoa phòng. Đặc biệt quan tâm tạo điều kiện về môi trường làm việc để giữ chân người giỏi, để họ tích cực cống hiến có hiệu quả cho Trung tâm;

+ Xác định nhu cầu về nhân lực của từng khoa, phòng, Trạm Y tế;

+ Điều chỉnh đội ngũ cán bộ chuyên môn hợp lý trong từng lĩnh vực.

4.2.2. Giải pháp về chính sách:

- Xây dựng quy chế thu hút cán bộ có trình độ chuyên môn cao, chuyên gia giỏi về công tác tại Trung tâm.

- Xây dựng kế hoạch hàng năm về đào tạo liên tục, bồi dưỡng chuyên môn, quản lý nhà nước cho cán bộ viên chức Trung tâm, chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao đạo đức nghề nghiệp.

4.2.3 Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

** Đào tạo đại học, sau đại học và đào tạo nâng cao*

Đào tạo Bác sĩ, cử nhân và các chuyên ngành khác theo hệ tập trung và hệ vừa làm vừa học tại Đại học Y dược Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh.

** Đào tạo sau đại học và đào tạo nâng cao*

+ Hàng năm cử cán bộ đi học sau đại học hệ tập trung. Khuyến khích cán bộ đào tạo sau đại học và đào tạo nâng cao chuyên môn;

+ Tranh thủ với các bệnh viện tuyến tỉnh, trung ương để đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề theo hình thức cử cán bộ đi đào tạo ở các bệnh viện tỉnh, trung ương hoặc mời cán bộ về chuyển giao kỹ thuật tại chỗ hoặc thực hiện theo Đề án 1816 của Bộ Y tế;

+ Tập trung đào tạo một số chuyên ngành mới để chuẩn bị cho thành lập các khoa mới như Liên chuyên khoa Mắt – Rang hàm mặt – Tai mũi họng – Da liễu, Nội thần kinh, Ngoại thần kinh sọ não...

+ Sử dụng những cán bộ đã đủ tuổi nghỉ hưu còn sức khoẻ có tâm huyết phục vụ Trung tâm.

4.2.4 Giải pháp cân đối và sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí đầu tư cho Trung tâm:

- Ưu tiên ngân sách Nhà nước trong việc đầu tư nâng cấp trang thiết bị y tế phục vụ công tác điều trị. Đầu tư bằng nguồn XHH nhằm tạo bước bức phá trong đầu tư y tế kỹ thuật cao;

- Nhu cầu đầu tư về trang thiết bị và cơ sở hạ tầng: Từ nguồn đầu tư cấp trên và quỹ phát triển sự nghiệp của đơn vị;

- Mua trang thiết bị y tế: 05 tỷ đồng (huy động từ nguồn đầu tư cấp trên)

- Cải tạo, nâng cấp các khoa, phòng, Trạm y tế xuống cấp: 05 tỷ đồng;(huy động từ nguồn đầu tư cấp trên và địa phương).

4.2.5 Giải pháp phát triển khoa học công nghệ

Từng bước hiện đại hoá kỹ thuật y học chuyên môn sâu trong lĩnh vực khám chữa bệnh. Trang bị thiết bị chẩn đoán hình ảnh, chẩn đoán hoá sinh, lý sinh ... Xây dựng một số Labo xét nghiệm chuẩn, trang bị các kỹ thuật - công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực xét nghiệm chẩn đoán.

Nâng dần tỷ lệ kỹ thuật hiện đại được triển khai tại Trung tâm. Mở rộng áp dụng một số kỹ thuật chuyên khoa sâu ở tuyến tỉnh như chuyên khoa nội tiết, ung bướu, chạy thận nhân tạo ... góp phần giảm tải tuyến trung ương.

Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và hiện đại. Đặc biệt chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý chất thải y tế. Đầu tư đúng mức và có hiệu quả cho việc ứng dụng các phương pháp khoa học công nghệ tiên tiến trong xử lý chất thải y tế nhằm bảo vệ môi trường.

Áp dụng các kỹ thuật mới trong điều hành quản lý chất lượng bệnh viện, ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành Trung tâm.

4.2.6 Giải pháp công tác quản lý

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng, chính quyền;

- Nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng Đảng bộ luôn đạt trong sạch vững mạnh là chủ thể lãnh đạo, hạt nhân chính trị ở cơ sở. Chú trọng việc giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ viên chức;

- Phát huy vai trò các đoàn thể trong đơn vị: Công đoàn, đoàn TNCS Hồ Chí Minh, cán bộ viên chức trong việc hoạch định kế hoạch phát triển Trung tâm;

- Công khai minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ, tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, đào tạo, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật. Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý từ lãnh đạo đến các khoa phòng, trạm y tế.

- Bố trí nhân lực phù hợp với yêu cầu tổ chức, phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực, sở trường công tác;

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ phát huy hết khả năng chuyên môn kiến thức được đào tạo, từng bước xây dựng chính sách đãi ngộ với những cán bộ giỏi có tay nghề cao.

- Nâng cao kiến thức quản lý nhà nước và kiến thức về pháp luật cho cán bộ viên chức Trung tâm. Quan tâm giáo dục y đức, nâng cao kiến thức về tâm lý xã hội, kỹ năng giao tiếp cho cán bộ, viên chức. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và y đức của cán bộ viên chức.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát trong hoạt động về chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm về đầu tư phát triển cho các khoa, phòng, Trạm Y tế.

4.2.7 Tăng cường thực hiện xã hội hoá công tác y tế

- Có chính sách thu hút nguồn nhân lực y tế, chú trọng các chuyên gia có kinh nghiệm …

- Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để đầu tư trang thiết bị y tế, các dịch vụ kỹ thuật cao, trong đó khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức y tế tham gia góp vốn đầu tư các dịch vụ CSSK;

- Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hoá đầu tư cho Trung tâm.

4.2.8. Phát triển bảo hiểm y tế:

Phối hợp, giám sát chặt chẽ với BHXH huyện trong các hoạt động chuyên môn trong khám chữa bệnh, bảo đảm quyền lợi của người tham gia BHYT sự an toàn của quỹ BHYT.

4.2.9. Tranh thủ sự hỗ trợ của bệnh viện tuyến trên và hợp tác quốc tế

Tranh thủ sự hỗ trợ của các bệnh viện tuyến trên trong mọi lĩnh vực: Đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật… Tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, các nước, các viện, các trường. Tranh thủ mọi sự hợp tác, hỗ trợ về kinh phí, kỹ thuật. Chú ý các lĩnh vực như đào tạo chuyên gia cho các chuyên ngành sâu.

Phần thứ tư
LỘ TRÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH

5.1. Ngắn hạn:

- Năm 2019 - 2020

+ Nâng cấp, sữa chữa Khu hành chính, Khoa Hồi sức Cấp cứu;

+ Xây dựng mới 02 phòng hậu phẫu và các phòng phụ trợ.

- Năm 2020 - 2022

+ Thành lập liên chuyên khoa Mắt - Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt; khoa Truyền nhiễm; khoa Dinh dưỡng; khoa Chẩn đoán hình ảnh;

+ Tách phòng Tổ chức - Hành chính – Tài chính - Kế toán thành 2 phòng: Phòng Tổ chức cán bộ và phòng Tài chính - Kế toán.

5.2. Dài hạn:

+ Thành lập khoa dinh dưỡng.

+ Tách khoa Ngoại từ khoa Ngoại sản ra riêng nhằm đẩy mạnh triển khai các DVKT ngoại khoa.

5.3. Đào tạo

- Đến năm 2020 có trên 70% bác sỹ được đào tạo sau đại học, trên 20% là đại học Điều dưỡng.

- Đào tạo phẫu thuật viên, phụ mổ, chuyên khoa Sản, Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng, Dinh dưỡng…

5.3. Đầu tư cơ sở hạ tầng

- Đầu tư xây dựng cơ sở và trang thiết bị phòng mổ, nâng cấp mở rộng khu Khám bệnh.

- Nâng cấp mở rộng các khoa phòng theo yêu cầu thực tế.

Phần thứ năm

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí đầu tư các hạng mục trình Sở Y tế và UBND huyện.

- Tổ chức thực hiện đề án và định kỳ báo cáo về Sở Y tế và UBND huyện.

KIẾN NGHỊ

1. Sở Y tế

Đầu tư xây dựng cơ sở và trang thiết bị phòng mổ và khu hậu phẫu.

2. Uỷ ban nhân dân huyện

Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các Khoa, Phòng, Trạm Y tế đã xuống cấp.

Nơi nhận:
- Sở Y tế;
- Các khoa, phòng;
- Các TYT xã, thị trấn;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KẾ SÁCH

BSCKII. Lê Hoàng Phong